

Bản án số: 66/2024/DSST

Ngày: 16-4-2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nhơn
2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2023/TLST- DS ngày 06/11/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 04/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-DS ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: 442 đường B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn Q – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ.

Theo văn bản ủy quyền số 430/UQ-QLN.23 ngày 18/4/2023

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Châu Anh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 781 đường E, phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/4/2023, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng A có ông Đào Văn Q đại diện trình bày:

Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/8/2019, được ký kết giữa Ngân hàng A với bà Nguyễn Châu Anh T và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A, Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà

Nguyễn Châu Anh T theo Thẻ tín dụng số: 4791392550441600, Ngày cấp: 07/9/2019; Loại thẻ: Visa Vàng; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: tháng 9/2022

- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Châu Anh T đã sử dụng thẻ như sau:

Từ ngày 23/9/2019 đến ngày 10/01/2022 bà T đã giao dịch tổng số tiền là 272.471.867 đồng và đã thanh toán được 260.006.050 đồng. Từ ngày 11/01/2022 bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A, căn cứ thỏa thuận của hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, nên Ngân hàng A chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán. Theo Thông báo ngày 15/01/2022, Ngân hàng A chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng như sau:

Dư nợ chuyển nợ quá hạn số tiền: 47.753.028 đồng, dư nợ này chưa bao gồm các khoản giao dịch và phí phát sinh trước ngày ra thông báo; Lãi suất dư nợ quá hạn: 43,5%/năm.

Theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế thì "Mức lãi suất, phí và cách tính lãi, phí được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do Ngân hàng A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không thể tách rời của Bản và các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng A có thể thay đổi biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ", cụ thể:

- Từ ngày 09/09/2019 (ngày cấp thẻ tín dụng) đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (11/01/2022): Lãi suất trong hạn 29%/năm

- Lãi suất quá hạn: $150\% \times 29\%/năm = 43,5\%/năm$, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (11/01/2022) đến nay.

Tính đến ngày 29/01/2024, bà Nguyễn Châu Anh T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 93.296.671 (Chín mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi một) đồng, trong đó: Vốn gốc: 51.690.547 đồng; Lãi quá hạn: 41.606.124 đồng.

Nay, tại phiên tòa ông Đào Văn Q đại diện Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

1/ Buộc bà Nguyễn Châu Anh T trả ngay cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 16/4/2024 là 97.732.925 đồng, trong đó: Vốn gốc: 51.688.941 đồng; Lãi quá hạn: 46.043.984 đồng.

2/ Bà Nguyễn Châu Anh T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A kể từ ngày 17/4/2024 đến ngày trả hết nợ.

3/ Thứ tự trả nợ như sau: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Bị đơn bà Nguyễn Châu Anh T: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông

báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Châu Anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Nguyễn Châu Anh T vắng mặt. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự.

Về phần nội dung vụ án Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Châu Anh Thu trả ngay cho nguyên đơn tổng số tiền vay còn nợ tạm tính đến ngày 16/4/2024 là: 97.732.925 đồng, trong đó vốn gốc 51.688.941 đồng và lãi quá hạn là 46.043.984 đồng. Và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng ngày 30/8/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng A thì đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản do bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt đương sự: bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/8/2019, được ký kết giữa Ngân hàng A với bà Nguyễn Châu Anh T và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A, Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Nguyễn Châu Anh T theo Thẻ tín dụng số: 4791392550441600, Ngày cấp: 07/9/2019; Loại thẻ: Visa Vàng; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: tháng 9/2022; Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Châu Anh T đã sử dụng thẻ như sau: Từ ngày 23/9/2019 đến ngày 10/01/2022 bà T đã giao dịch tổng số tiền là 272.471.867 đồng và đã thanh toán được 260.006.050 đồng. Ngày 15/01/2022, Ngân hàng A chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng và dư nợ chuyển nợ quá hạn số tiền: 47.753.028 đồng, dư nợ này chưa bao gồm các khoản giao dịch và phí phát sinh trước ngày ra thông báo; Lãi suất dư nợ quá hạn: 43,5%/năm. Tính đến ngày 29/01/2024, bà Nguyễn Châu Anh T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 93.296.671 (Chín mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi một) đồng, trong đó: Vốn gốc: 51.690.547 đồng; Lãi quá hạn: 41.606.124 đồng.

Các tình tiết trên đây đã được Tòa án thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật.

Xét trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/8/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng Ngân hàng A thì từ ngày 11/01/2022 đến nay bị đơn đã không đóng tiền lãi, phí và trả nợ gốc cho Ngân hàng A là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, bị đơn Nguyễn Châu Anh T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và phí phát sinh tính đến ngày 16/4/2024 cho Ngân hàng A, cụ thể như sau:

Tổng số tiền 97.732.925 đồng, trong đó vốn gốc 51.688.941 đồng và lãi quá hạn là 46.043.984 đồng và số tiền lãi quá hạn được tính tiếp cho bà Anh Thu từ ngày 17/4/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng A theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/8/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A.

Từ những nhận định nêu, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

3. Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

Đối với các khoản tiền vay của Tổ chức ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nên bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/8/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/8/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi bà Nguyễn Châu Anh T thực hiện các giao dịch và còn nợ số tiền 97.732.925 đồng, trong đó vốn gốc 51.688.941 đồng và lãi quá hạn là 46.043.984 đồng, nhưng bà T đã không thanh toán. Như vậy, bị đơn đã vi phạm phần cam kết theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 30/8/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng, nên ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ là 97.732.925 đồng như đã tính chi tiết ở phần trên là có cơ sở chấp nhận

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng A không phải chịu án phí. Bà Nguyễn Châu Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Luật phí, lệ phí; Luật thi hành án dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bà Nguyễn Châu Anh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ phát sinh từ việc giao dịch thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng lập ngày 30/8/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A giữa Ngân hàng A và bà Nguyễn Châu Anh T tính đến ngày 16/4/2024 là **97.732.925 đồng** trong đó vốn gốc 51.688.941 đồng và lãi quá hạn là 46.043.984 đồng

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng A.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Châu Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.886.646 đồng. Nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Ngân hàng A không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.919.090 (Một triệu chín trăm mười chín nghìn không trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu tiền số 0038527 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy